

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu bất động sản và nhóm cổ phiếu thép với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2306 giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

HDB, NVL

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục áp dụng chiến lược trading quay vòng, nắm giữ một phần vị thế và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

14/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,117.42	-0.45
VN30	1,110.60	-0.43
HĐTL VN30F1M	1,112.10	-0.30
HNXIndex	228.91	-0.58
HNX30	426.20	-1.13
UPCoM	84.82	-0.21
USD/VND	23,507	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.92	-8
Lãi suất qua đêm (%)	1.53	-32
Dầu (WTI, \$)	69.95	+0.76
Vàng (LME, \$)	1,948.93	+0.27



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,117.42 (-0.45%)  
**KLGD (triệu CP)** 846.0 (-0.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 728.7 (-1.8%)

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu bất động sản và nhóm cổ phiếu thép với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (-1.3%), SSI (+0.2%), VND (+0.3%).

**HNXIndex** 228.91 (-0.58%)  
**KLGD (triệu CP)** 117.3 (-13.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 75.5 (-0.7%)

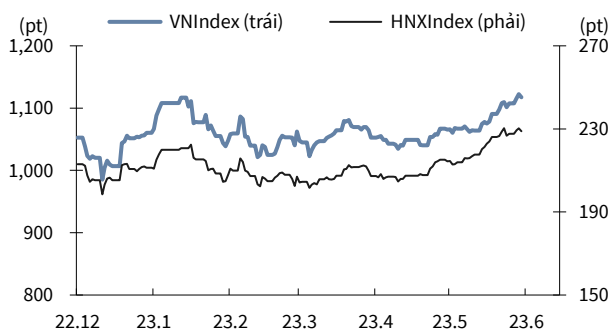
Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm qua, giá dầu Brent kỳ hạn tăng 2.45 USD, tương đương 3.4%, lên mức 74.29 USD/thùng. Giá dầu WTI của Mỹ cũng tăng 2.3 USD, tương đương 3.4%, lên mức 69.42 USD/thùng. Giá cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở OIL (+1.94%), GAS (+0.64%).

**UPCoM** 84.82 (-0.21%)  
**KLGD (triệu CP)** 72.8 (-0.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 31.4 (+0.7%)

Giá thép ghi nhận tại thị trường trong nước hôm nay có sự điều chỉnh với 2 sản phẩm thép cuộn CB240 và thép thanh vằn D10 CB300, giảm 200 - 310 đồng/kg tại tất cả các thương hiệu. Giá cổ phiếu nhóm Thép giảm giá ở HSG (-2.33%), VGS (-4.42%).

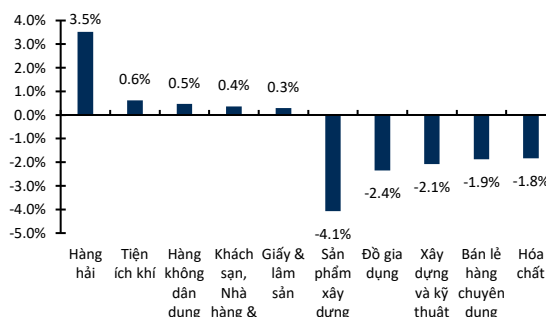
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +26.5

VNIndex & HNXIndex



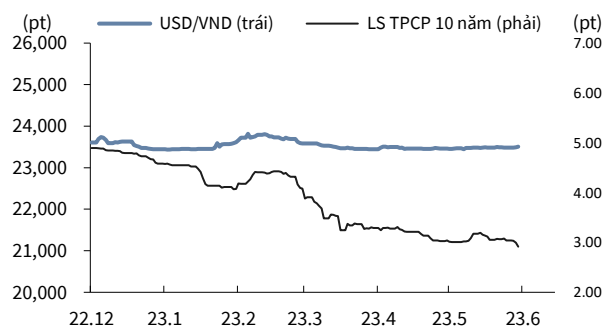
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



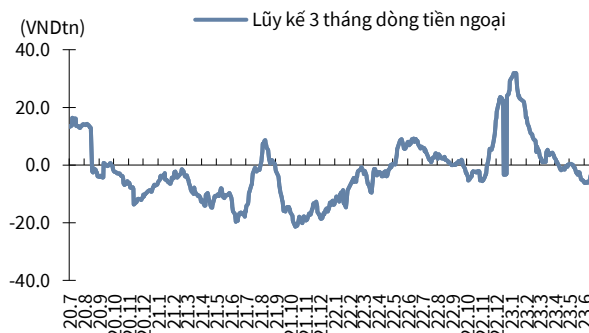
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

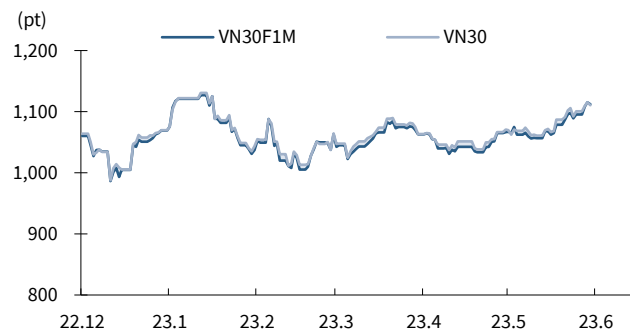
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,110.60 (-0.43%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,112.1 (-0.30%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,115.7</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,123.7</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,112.1</b>

HĐTL VN30F2306 giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 mở cửa tại 1.1 điểm, sau đó biến động giằng co quanh mức -0.6 điểm với biên độ lớn và đóng cửa tại 1.5 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

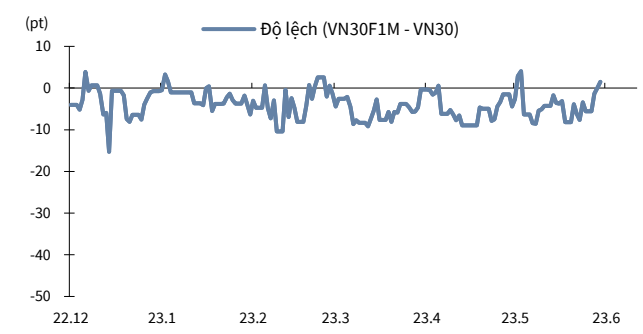
**KLGD (HĐ)**      **201,673 (+9.1%)**

**HĐTL VN30F1M & VN30**



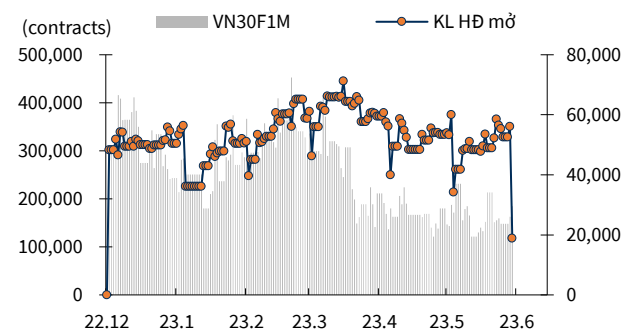
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



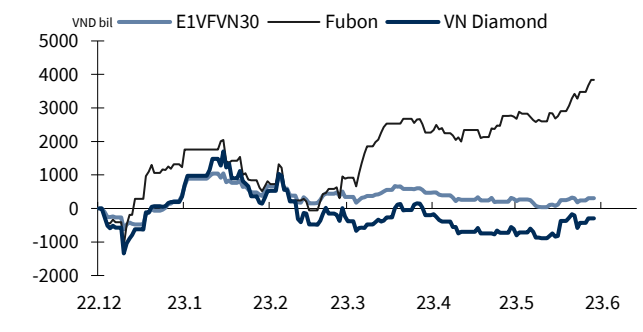
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

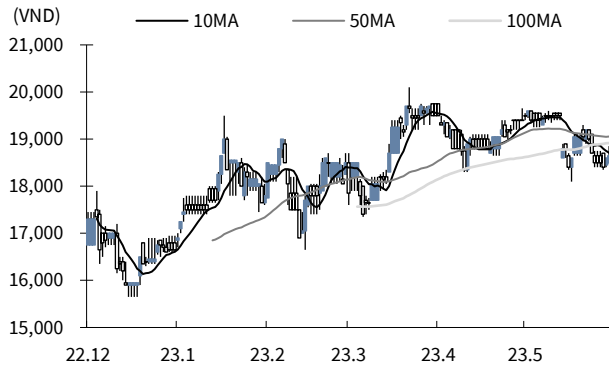
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

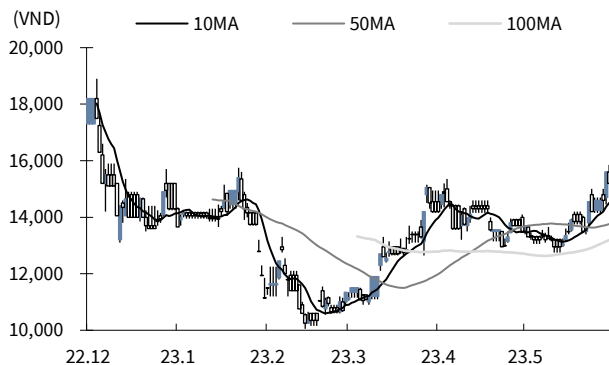
## Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HDB tăng 0.3% lên 18,650 VND/cp
- Trong hai ngày 11 – 12/6, HDBank đã mua lại toàn bộ 600 tỷ đồng trái phiếu đang lưu hành của mã HDBL2128003, được phát hành ngày 11/6/2021 với thời hạn 7 năm nhằm tăng nguồn vốn cấp 2 dài hạn, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng của HDBank.

## CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL)



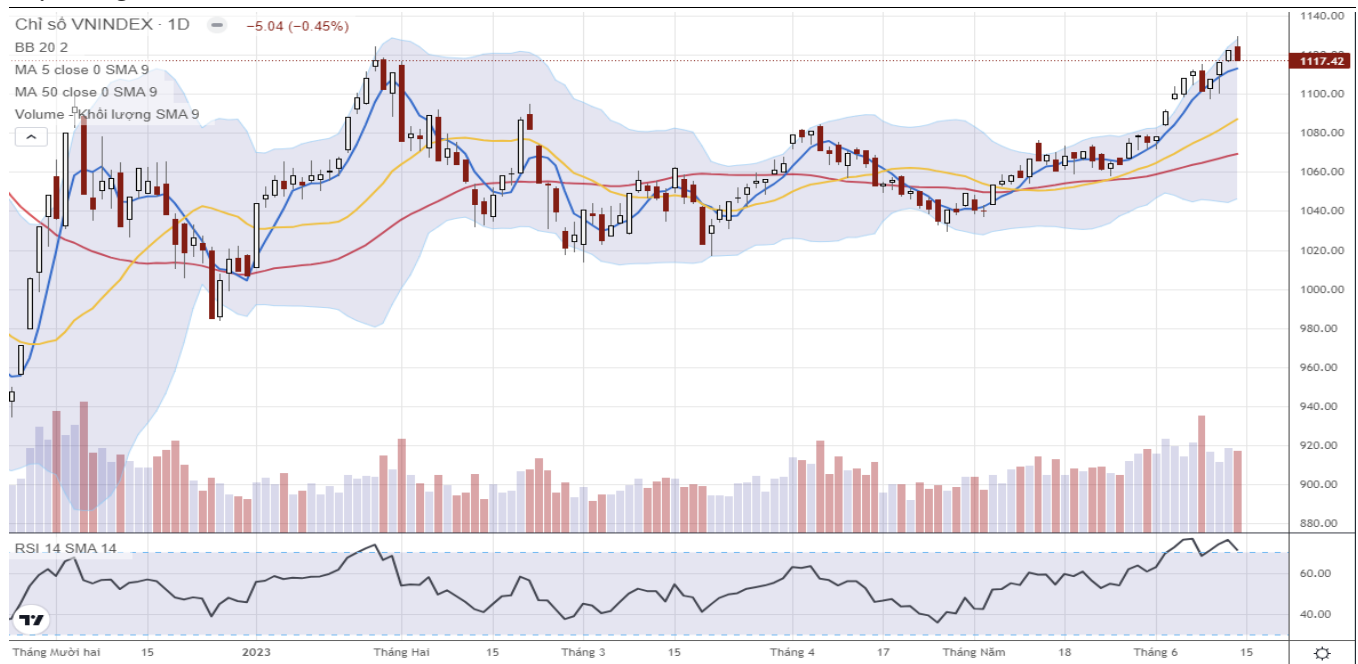
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL giảm 2.6% xuống 15,200 VND/cp
- CTCP NovaGroup vừa đăng ký bán ra 136.4 triệu cổ phiếu của CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va với mục đích cân đối danh mục đầu tư và hỗ trợ cơ cấu các khoản nợ, nghĩa vụ khác. Giao dịch dự kiến được thực hiện theo phương thức khớp lệnh và/hoặc thoả thuận từ ngày 16/6 đến ngày 14/7.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

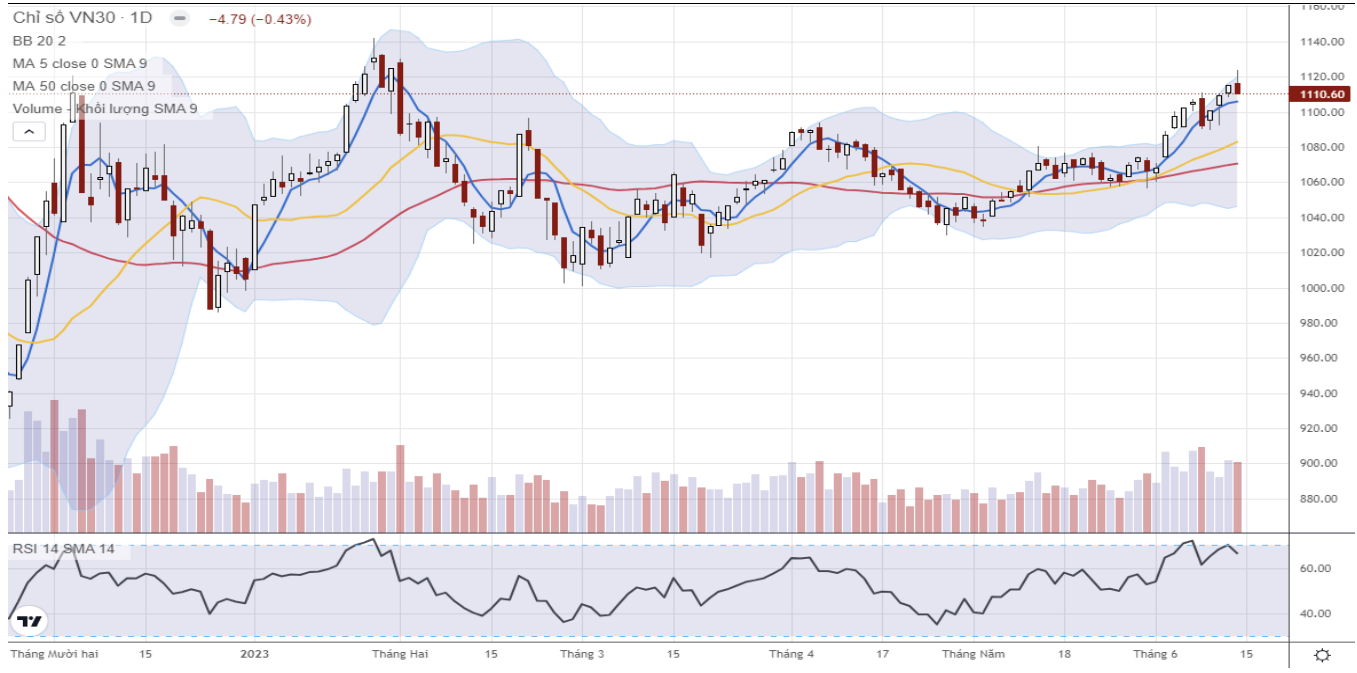
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



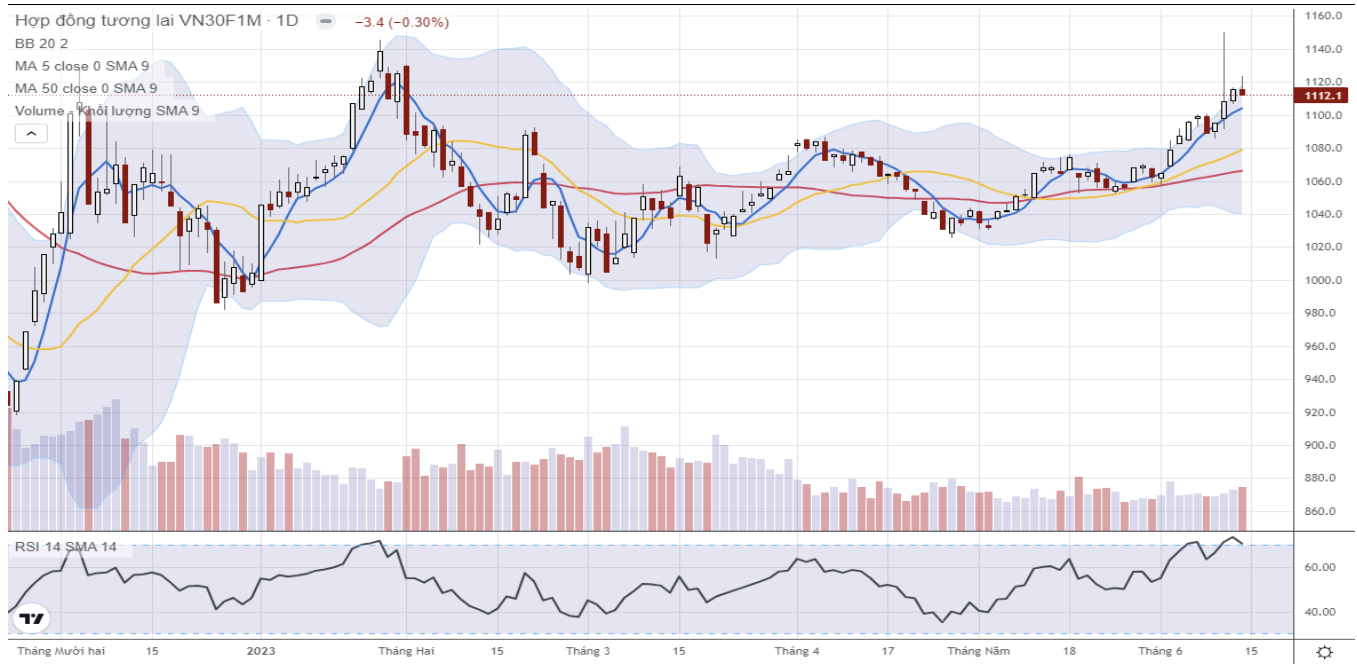
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng tích cực vào giữa phiên, VNINDEX đã cho tín hiệu đảo chiều giảm điểm khá tiêu cực về cuối phiên.
- Nỗ lực bứt phá qua vùng đỉnh 1124 đã chưa mang lại kết quả khả quan và chỉ số đang có rủi ro bước vào một nhịp điều chỉnh ngắn hạn như đã dự báo. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng VNINDEX sẽ sớm có cơ hội hồi phục trở lại tại các vùng hỗ trợ, gần tại quanh 1110 và sâu hơn là 1095 điểm.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục áp dụng chiến lược trading quay vòng, nắm giữ một phần vị thế và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1125 - 1130

Kháng cự gần: 1116 - 1119

Hỗ trợ gần: 1107 - 1110

Hỗ trợ xa: 1095 - 1100

- Sau nhịp tăng tích cực vào giữa phiên, F1 đã cho tín hiệu đảo chiều giảm điểm khá tiêu cực về cuối phiên.
- Rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn hạn đang tăng dần khi chỉ số tiếp cận vùng đỉnh đầu năm tại quanh 1130 điểm. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng F1 sẽ sớm có cơ hội hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ gần, xung quanh 1100 điểm.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đóng 1 phần vị thế đã mở tại nhịp hồi intraday và chờ mua lại quanh vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

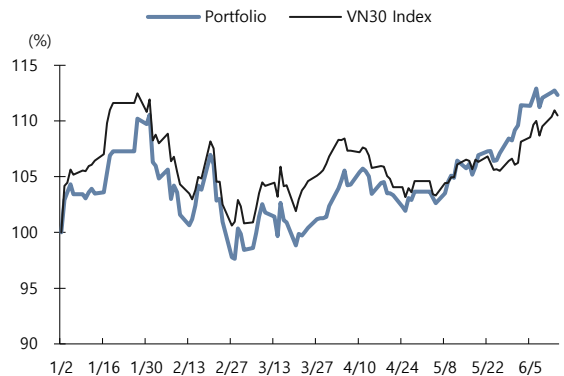
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.43%	-0.37%
Tăng lũy kế (YTD)	10.49%	12.34%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 14/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	42,050	-2.2%	8.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	25,400	0.2%	21.2%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỷ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,800	-0.7%	26.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,150	0.0%	3.1%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,000	-0.8%	11.1%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,200	-0.2%	247.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	28,700	1.4%	51.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,600	0.6%	28.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,100	-1.3%	107.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	27,700	-0.7%	169.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.3%	24.3%	205.3
SSI	0.2%	43.4%	95.7
VND	0.3%	22.2%	79.8
CTG	1.4%	27.3%	74.8
MSN	-1.0%	30.0%	70.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.7%	54.5%	-112.6
VPB	1.3%	17.3%	-94.6
CII	-2.9%	9.6%	-21.0
TPB	0.0%	30.0%	-18.8
VCB	0.1%	23.6%	-15.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	-1.5%	5.9%	27.0
TNG	1.1%	16.1%	4.5
IDC	-2.5%	1.1%	2.8
PLC	-0.3%	1.2%	1.1
CEO	-1.6%	4.7%	0.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.3%	21.0%	-19.2
VCS	6.6%	2.8%	-2.8
NVB	1.9%	8.6%	-1.6
VHL	0.0%	2.5%	-1.4
BVS	-1.7%	6.3%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dược	8.9%	DHG, IMP, TRA, DBD
Hàng hải	4.5%	VSC, VOS, SKG, VTO
Sản phẩm xây dựng	3.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Ngân hàng	3.1%	VCB, BID, VPB, TCB
Thiết bị điện	2.5%	GEX, SAM, CAV, RAL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-2.3%	VPG, TSC, BTT, TNA
Phụ tùng oto	-2.1%	DRC, CSM, PAC, TNC
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-2.1%	PLX, PGC, CNG, GSP
Máy móc	-2.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Xây dựng và kỹ thuật	-1.8%	DIG, HDG, VCG, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dược	12.6%	DHG, IMP, TRA, DBD
Thiết bị điện	12.1%	GEX, SAM, CAV, RAL
Thương mại & phân phối	11.2%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hàng hải	10.4%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	9.4%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-7.9%	DRC, CSM, PAC, TNC
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-3.0%	AST, VNG, DSN, DAH
Bảo hiểm	-2.4%	BVH, MIG, BIC, BMI
Đồ uống	-1.1%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vận tải hàng không & Logistics	-1.0%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	100,970 (4.3)	22.5	72.6	66.4	14.7	2.5	2.7	1.8	1.8	-0.6	1.9	4.1	0.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	93,853 (4.0)	26.6	8.1	7.5	35.9	19.4	17.9	1.5	1.3	0.5	3.1	11.3	18.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	87,939 (3.7)	17.8	15.6	14.1	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	0.2	-0.4	-3.6	3.2
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	350,147 (14.9)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	-2.6	4.5	10.9	8.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	67,803 (2.9)	11.6	23.4	16.7	13.7	8.1	11.3	1.8	1.7	0.7	1.3	1.8	16.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	266,517 (11.4)	13.9	35.1	26.5	-	2.8	3.6	-	-	-0.7	-5.3	-1.7	12.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	67,801 (2.9)	6.3	14.3	12.4	11.7	23.0	21.0	2.8	2.3	0.1	5.8	10.6	28.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	37,930 (1.6)	12.7	11.5	9.5	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	-0.8	-0.8	-2.2	14.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	149,670 (6.4)	0.0	5.7	4.9	14.3	16.4	15.7	0.9	0.7	-0.6	0.0	11.3	26.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	125,692 (5.4)	1.4	8.4	7.0	50.3	16.4	17.2	1.1	1.0	1.4	-0.7	1.1	5.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	223,517 (9.5)	0.0	8.9	6.8	18.8	12.6	12.5	1.1	1.0	1.3	-0.8	0.0	10.3
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	207,338 (8.8)	0.0	4.8	4.1	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	-0.3	-2.9	5.9	15.5
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	41,971 (1.8)	4.2	4.6	4.5	23.3	24.2	20.7	1.1	0.9	0.3	-1.8	-3.9	16.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	456,507 (19.4)	14.0	7.4	4.3	26.5	18.9	24.8	1.1	0.9	-1.4	-1.9	3.7	23.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	136,962 (5.8)	0.0	6.3	5.5	37.4	20.0	19.6	1.1	0.9	0.0	-3.8	7.3	20.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	127,369 (5.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.9	-1.6	9.0	-9.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	33,554 (1.4)	21.0	16.0	14.4	15.8	10.1	10.6	1.6	1.5	-0.9	-0.1	-3.0	-4.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,063 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	-1.4	0.0	7.3	13.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	491,438 (20.9)	55.4	21.0	17.0	-3.2	8.3	10.2	-	-	0.2	1.2	9.2	43.5
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	163,466 (7.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.1	-2.8	3.6	47.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	165,244 (7.0)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.2	-5.3	0.2	30.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	607,996 (25.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.3	-2.9	18.0	38.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	172,365 (7.3)	42.1	16.1	14.8	4.0	29.0	31.2	4.3	4.2	-0.7	1.4	-3.6	-11.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,987 (0.8)	36.9	22.7	20.7	7.3	21.2	21.5	3.9	4.3	0.1	1.4	-1.2	-2.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	91,745 (3.9)	16.5	33.1	16.5	-51.9	8.0	12.9	3.9	3.0	-1.0	3.3	4.8	-16.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,626 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.7	-0.8	7.6	-4.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	79,834 (3.4)	11.0	83.9	45.6	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.6	0.5	-0.1	-11.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	37,346 (1.6)	10.8	12.3	16.2	-57.0	22.4	11.9	1.7	1.7	-1.0	-1.0	2.9	11.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	157,209 (6.7)	38.4	13.7	11.1	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	-2.8	-6.3	12.9	32.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	334,850 (14.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-1.3	-1.6	28.1	50.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	39,353 (1.7)	3.6	24.2	20.3	-52.4	2.5	2.8	-	-	-3.2	0.3	1.9	100.0
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	45,564 (1.9)	0.0	10.9	10.5	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	-0.8	-1.3	8.4	0.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	48,475 (2.1)	46.1	15.7	15.6	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	0.6	0.1	2.3	-6.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,175 (0.9)	31.4	11.8	11.6	-10.5	15.1	17.1	2.0	2.0	-0.8	-2.9	1.9	10.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,537 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.0	2.4	8.4	32.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	456,998 (19.5)	18.0	14.8	10.7	21.9	9.2	11.6	1.3	1.2	-1.3	2.2	3.4	28.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	79,848 (3.4)	36.5	8.8	10.0	-0.5	12.3	11.0	1.0	1.0	-0.9	-0.6	-0.9	-23.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	84,172 (3.6)	46.5	11.4	8.4	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.2	-1.2	-1.4	3.9	-4.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	273,091 (11.6)	38.9	-	13.9	67.9	-0.7	6.7	0.9	0.8	-2.3	0.3	3.1	45.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	67,723 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.6	-4.3	4.2	64.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	26,524 (1.1)	4.6	15.9	14.0	-51.0	12.0	12.5	1.9	1.8	0.0	-2.2	1.3	20.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	130,736 (5.6)	39.9	18.8	12.5	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.8	-1.9	-4.3	4.2	31.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	64,810 (2.8)	35.9	7.5	6.5	2.2	14.8	15.0	1.0	0.9	-0.5	-2.6	0.7	-4.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	127,390 (5.4)	0.0	21.4	11.7	14.4	11.1	18.3	2.4	2.1	-2.2	0.6	7.8	-2.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	35,734 (1.5)	0.0	13.6	11.0	2.4	20.5	22.0	2.5	2.1	-0.7	0.3	-2.9	-19.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,641 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.0	5.1	33.0	62.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	50,897 (2.2)	30.3	47.9	19.9	-75.2	-	14.1	3.6	3.0	-0.3	7.3	10.7	2.8
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	32,766 (1.4)	34.6	10.6	10.6	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	-0.6	-3.3	8.9	16.9
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,371 (0.3)	45.4	13.0	12.1	10.7	25.6	24.6	3.3	2.8	-1.4	10.5	14.5	46.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	72,531 (3.1)	0.0	15.5	12.8	15.5	27.5	27.9	3.8	3.3	-0.2	-0.9	4.6	9.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhdt@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

